TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 40/2018/HNGĐ - ST Ngày 11/9/2018 V/v Ly hôn giữa ông M và bà K.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Nhất

2. Ông Nguyễn Ngọc Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2018/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn M, sinh năm 1955 (có mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị K, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 2 S, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 3 năm 2018 và trong quá trìnhgiải quyết, xét xử, nguyên đơn ông Trương Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thị K xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, về chung với nhau có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 06 tháng 12 năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 4 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến hay cãi nhau làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Ông M đã nhiều lần khuyên bảo nhưng

bà K không nghe. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Ông và bà K đã viết đơn xin thuận tình ly hôn gửi đến UBND xã H và không yêu cầu xã hòa giải mà đề nghị chuyển đến Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết. Ngày 30/3/2018 ông M và bà K đã đến Tòa án nhân dân huyện Nông Cống để làm thủ tục ly hôn. Tại Tòa án, ông M đã viết Đơn khởi kiện và gửi bản sao Đơn khởi kiện cho bà K. Đến ngày 10/4/2018 bà K viết giấy cam đoan thỏa thuận để bà K về ở cùng con cháu, có chuyện gì rủi ro bà hoàn toàn chịu trách nhiệm, không liên quan gì tới ông M. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 10 tháng 4 năm 2018 đến nay. Hiện bà K không có thai nghén. Ông M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với bà K.

Về con: Ông M và bà K không có con chung.

Về tài sản và nợ chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 20 tháng 6 năm 2018, đại diện UBND xã H và Công an xã H xác nhận:

Về hôn nhân: Ông Trương Văn M và bà Lê Thị K xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND. xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 06 tháng 12 năm 2016. Sau khi kết hôn ông M và bà K đăng ký thường trú tại xã H. Ngày 30/3/2018 UBND xã H nhận được Đơn xin thuận tình ly hôn của ông M và bà K. Ông, bà đề nghị xã không tổ chức hòa giải mà chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết ly hôn. Tháng 4/2018 bà K về ở tại nhà con gái là Lê Thị P thôn 4 P, xã H. Đến cuối tháng 4/2018 bà K đã đi khỏi địa phương, khi đi bà K không báo cáo với chính quyền địa phương nên chính quyền địa phương không biết bà K đang ở đâu. Hiện nay chị Lê Thị P đã chuyển về quê chồng sinh sống tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Ông M và bà K không có con chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Đối với đương sự, ông M thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với bà K chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng bà vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà Khẩn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn M được ly hôn bà Lê Thị K. Về con chung: không có. Về tài sản, công nợ chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn tiền án phí cho ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng*****:** Quá trình giải quyết vụ án, bà K không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa ông Trương Văn M và bà Lê Thị K có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn 2 bên không có thiện chí hòa giải mà mỗi người một nơi, tuy vợ chồng tuổi đã cao nhưng thời gian kết hôn và chung sống với nhau mới từ tháng 12/2016 mà đến tháng 4 năm 2018 đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Ông M xét thấy không còn tình cảm nên xin được ly hôn. Về phía bà K đã cùng ông M đến Tòa án làm thủ tục ly hôn, đã nhận được bản sao hồ sơ khởi kiện do ông M giao và viết giấy cam đoan thỏa thuận ly hôn. Điều này thể hiện bà cũng có nguyện vọng ly hôn. Nhưng sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý và Giấy triệu tập cho bà nhưng bà Khẩn không có nhà, con gái bà là chị Lê Thị P nhận thay. Chị P đã trực tiếp gọi điện thông báo cho bà biết nhưng bà vẫn không về giải quyết và cũng không cung cấp địa chỉ nơi ở. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật. Như vậy, xác định tình trạng hôn nhân giữa ông M và bà K mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Con chung*: Ông M, bà K không có con chung.

[2.3] Tài sản và nợ chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] *Về án phí:* Ông M thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành kèm theo nghị quyết:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, ông Trương Văn M được ly hôn bà Lê Thị K.

[2] Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí DSST cho ông Trương Văn M. Trả lại cho ông M 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006628 ngày 20/4/2018.

Quyền kháng cáo: Ông M được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Khẩn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niên yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã H, huyện N;
- Lưu: HS, VP, Ha (11).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình